

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM 2022

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú		
			Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)								Năm sử dụng	Tổng diện tích sản sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (m ²)								
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc			Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác						
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê							Liên doanh, liên kết	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22				
1	Trụ sở văn phòng Công ty	8558,5								2012	2340														
2	Văn phòng Xi nghiệp DTP.T thủy lợi Đan Hoài	942,8								1986	1470														
3	Trạm bơm Đào Nguyễn	15476,2								2002	376														
4	Trạm bơm Đồng La	8134,9								1995	220														
5	Trạm bơm Đồng Quan Tả	454,3								2008	38														
6	Trạm bơm Đồng Quan Hữu	4629,7								2015	108,5														
7	Trạm bơm Phương Bằng	5798,1								2009	176,5														
8	Trạm bơm Minh Khai	1846,3									80,5														
9	Trạm bơm Đồng Nghệ I	2236,9								2013	170														
10	Trạm bơm Đồng Nghệ II	469								1994	48														
11	Trạm bơm Đức Thượng Tả	1436,2								2004	78														
12	Trạm bơm Thủ Y	1664,5								2004	72														
13	Trạm bơm Tiên Tân	3703,4								1973	238														
14	Trạm bơm tiêu Thượng Mỗ	1149,9								1992	110														
15	Trạm bơm Đoài Khê	1277,9								2012	125														



[illegible]

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
40	Trạm bơm Vân Khê 2	3001,9									84										
41	Trạm bơm Xiên Vân Khê	691,2									16										
42	Trạm bơm Thị trấn Kim Bài	1263,4									37,5										
43	Trạm bơm Thanh Thủy	5219,9								1988	227										
44	Trạm bơm Thanh Vân 1	1908,1								1995	120										
45	Trạm bơm Thanh Vân 2	2257,7								2021	30										
46	Trạm bơm Thanh Vân 3	486,2									20										
47	Trạm bơm Nhân Hiền	2031,8								2013	529										
48	Văn phòng Cụm thủy nông Cao Xá	342,8									53										
49	Văn phòng Cầu Đồng	628,5								1999	112										
50	Trạm bơm tiêu Cao Xuân Dương	4969,5								2023	185,7										
51	Trạm bơm tưới Cao Xuân Dương	4759,2								2011	204,6										
52	Trạm bơm Bãi Thị Nguyễn	229,2									16										
53	Trạm bơm tiêu Phương Trung	2983,2								2010	266,5										
54	Trạm bơm Cự Thẩn 1	1966,8								2022	46										
55	Trạm bơm Cự Thẩn 2	1222,2								2022	20										
56	Trạm bơm Ngọc Đình	817,6									97										
57	Trạm bơm Đồng Trảng	261,2								2014	30										
58	Trạm bơm Quế Sơn	2134,8								2015	52										
59	Trạm bơm Uớc Lễ 1	3649,3									61,5										
60	Trạm bơm Uớc Lễ 2	1093,4								2012	40										
61	Nhà quản lý TB Quế Sơn và Uớc Lễ 1	Trong TB Uớc Lễ 1								2013	64										
62	Trạm bơm II-16	930								2006	46,2										
63	Trạm bơm Phương Nhị 1	2392,3									154,7										
64	Trạm bơm Phương Nhị 2	8640,3									68,4										
65	Trạm bơm Từ Châu	1174,1								2014	54										
66	Trạm bơm Phù Bật	3032								2013	75,6										
67	Văn phòng Xi nghiệp La Khê	Trong TB Khê Tang																			
68	VP Xi nghiệp DTPT thủy lợi Chương Mỹ	1640,2									980										
69	Nhà quản lý Đồng Mô	292,1									120										
70	Trạm bơm Chi Lăng I	2428,4								2010	147										

[illegible]

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
102	Trạm bơm tưới Biên Giang	3466,7								2010	118										
103	Trạm quản lý Hồ Đồng Suông 2	1399									126,4										
104	Hồ Đồng Suông	1635050																			
105	Hồ Văn Sơn	1093247																			
106	Hồ Miếu 1	30371,3																			
107	Hồ Miếu 2	13424,1																			
108	Hồ Miếu 3	83406,7																			
109	Hồ Miếu 4	51670																			
110	Khu ao uôm Miếu	29140,1																			
111	Khu ao uôm	25552,9									130										
112	Khu ao uôm	35774,4																			
113	Trạm bơm đã chiến Đồng Thàn									2009											
114	Trạm bơm tiêu Văn La									2018											
115	Văn phòng Xí nghiệp ĐTPT thủy lợi Mỹ Đức	3284,7									735										
116	Trạm bơm Đồi Mò	3542,8								2011	142										
117	Trạm bơm Phúc Lâm 2	1795								2009	193										
118	Trạm bơm Đức Môn	9692,4									238										
119	Trạm bơm tiêu Mỹ Thành	981								2011	149										
120	Trạm bơm An Mỹ 1+2	13111,1								2004	309,5										
121	Trạm bơm Phú Cường	838,9								2008	111										
122	Trạm bơm tưới Tào Khê	589,7								2009	73										
123	Trạm bơm tiêu Tào Khê	172,6								2009											
124	Trạm bơm Công Bọt	395,6									50										
125	Nhà quản lý Hồ Tuy Lai	87,7									24										
126	Trạm bơm Áng Thượng	1760,1								2008	98										
127	Trạm bơm Tân Độ	4782,6									133										
128	Trạm bơm đã chiến Tân Độ	83,1																			
129	Trạm bơm Xuy Xá	4077,5									134										
130	Nhà điều hành trạm bơm Xuy Xá	2036,6								2011											
131	Trạm bơm đã chiến Xuy Xá	15,3																			
132	Trạm bơm Phù Lưu Tế 1	5522,6								1977	260										
133	Trạm bơm Phù Lưu Tế 2	2762,3									316										
134	Trạm bơm Hòa Lạc	7028,8									258										
135	Nhà quản lý Hồ Quan Sơn	236,4								2002	147										
136	Trạm bơm Bãi Giữa	1145								1997	87										

[illegible]

